

ĐIỀU LỆ
QUỸ HỖ TRỢ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM
(Được công nhận kèm theo Quyết định số 126/QĐ-BNV ngày 12 tháng 11 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở

1. Tên gọi:

- a) Tên tiếng Việt: Quỹ Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam;
- b) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Vietnam Cultural Heritage Conservation Support Fund;
- c) Tên viết tắt tiếng Anh: VCHCSF.

2. Biểu tượng (logo) của Quỹ được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở: Số 19 Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.7343592; Fax: 043.7343590.

Email: hotrobaotondisanvanhoa@gmail.com.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Quỹ Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ xã hội, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận trên nguyên tắc tự tạo vốn từ nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên, các nguồn vận động tài trợ và đóng góp hoàn toàn tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ, khuyến khích và góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hoá của dân tộc.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc:

- a) Không vì lợi nhuận;

b) Tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;

c) Công khai, minh bạch về thu, chi, tài chính, tài sản của Quỹ;

d) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình Quỹ đang hoạt động;

đ) Quỹ hoạt động theo Điều lệ của Quỹ được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận, tuân thủ pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan về lĩnh vực Quỹ hoạt động;

e) Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ

Quỹ có 09 (chín) sáng lập viên thành lập Quỹ, gồm:

1. Hội Di sản văn hoá Việt Nam

Tư cách pháp nhân: Thành lập và hoạt động theo Quyết định số 28/2004/QĐ-BNV ngày 23 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Địa chỉ: Số 19 Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện tham gia Ban Sáng lập Quỹ: Ông Lưu Trần Tiêu, Chủ tịch Hội.

2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội

Tư cách pháp nhân: Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100514947 (đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23 tháng 10 năm 2012) của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện tham gia Ban Sáng lập Quỹ: Ông Vũ Văn Tiền, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bảo tồn di sản văn hóa

Tư cách pháp nhân: Thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0104001410, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 19 Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện tham gia Ban Sáng lập Quỹ: Ông Nguyễn Văn Mạc, Giám đốc.

4. Ông Đỗ Văn Trụ

Sinh ngày: 30/12/1944.

Nơi sinh: Cao Đại, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Quê quán: Cao Đại, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 0111276011 cấp ngày 29/8/2007 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: Số nhà 55 phố Vạn Bảo, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng thư ký Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

5. Ông Đặng Văn Bài

Sinh ngày: 02/3/1949.

Nơi sinh: Quảng Yên, Quảng Ninh.

Quê quán: Quảng Yên, Quảng Ninh.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 011375435 cấp ngày 23/5/2001 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: Số 86 ngõ 100, Tây Sơn, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

6. Ông Phạm Mai Hùng

Sinh ngày: 12/3/1943.

Nơi sinh: Định Tân, Yên Định, Thanh Hóa.

Quê quán: Định Tân, Yên Định, Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 011645588 cấp ngày 12/5/2008 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: Số 2A2 tập thể Bộ Văn hóa, Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

7. Ông Hồ Hữu Thới

Sinh ngày: 01/9/1945.

Nơi sinh: Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Quê quán: Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 013377845 cấp ngày 12/3/2011 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: A25 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

Chức vụ: Chánh Văn phòng, Ủy viên Thường vụ Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

8. Bà Nguyễn Thị Tâm

Sinh ngày: 05/8/1950.

Nơi sinh: Phố Còng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Quê quán: Phố Còng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 011428894 cấp ngày 09/6/2000 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: Số 58 Đông Các, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

Chức vụ: Ủy viên Ban Chấp hành Hội Di sản văn hóa Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Kinh Đô.

9. Ông Đỗ Sơn Hà

Sinh ngày: 22/01/1951.

Nơi sinh: Thanh Hội, Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội.

Quê quán: Thanh Hội, Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 012904364 cấp ngày 20/7/2006 tại Hà Nội.

Nơi thường trú: Số 30 Tổ 18D, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội.

Chức vụ: Hội viên Hội Di sản văn hóa Việt Nam.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ; QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ

1. Chức năng:

a) Huy động và sử dụng nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và các nguồn tài trợ khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp theo quy định của pháp luật để hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án; hỗ trợ các hoạt động góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc;

c) Thực hiện tài trợ theo uỷ nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế, các dự án tài trợ có địa chỉ trên cơ sở phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ:

a) Vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến tặng hoặc bằng các hình thức khác theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc: Trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, nghiên cứu, sưu tầm, truyền dạy và quảng bá di sản văn hóa phi vật thể;

c) Tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc. Đồng thời, tôn vinh các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ trên các phương tiện thông tin đại chúng để khuyến khích toàn dân tham gia vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc;

d) Hỗ trợ và tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng thực hành về bảo vệ di sản văn hóa dân tộc cho cộng đồng;

đ) Định kỳ hàng năm vào dịp kỷ niệm ngày Di sản văn hóa Việt Nam (23/11), phối hợp với các tổ chức liên quan hỗ trợ trao giải thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ

1. Vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến tặng hoặc bằng các hình thức khác theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện tài trợ theo sự ủy quyền của tổ chức, cá nhân đã ủy quyền theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Được thành lập pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản Quỹ.

4. Lưu trữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của Quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của Quỹ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

6. Được hưởng các chính sách của Nhà nước đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định của Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

7. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Giải quyết, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Hàng năm, Quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính với cơ quan cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Quỹ; thực hiện công khai các khoản đóng góp của Quỹ trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

9. Quỹ được quan hệ với các tổ chức, cá nhân để vận động quyên góp, tài trợ cho Quỹ hoặc cho các đề án, dự án của Quỹ theo quy định của pháp luật.

10. Quan hệ với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp của Quỹ để xây dựng các đề án tài trợ theo tôn chỉ, mục đích hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

11. Khi thay đổi trụ sở chính, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Quỹ phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ và cơ quan tài chính cùng cấp. Khi sửa đổi Điều lệ Quỹ phải được cơ quan nhà nước cho phép thành lập Quỹ công nhận.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Văn phòng đại diện, chi nhánh, bộ phận chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ, nhân danh Quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên do các sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được Bộ Nội vụ công nhận. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ không quá 5 năm. Hội đồng quản lý Quỹ gồm:

Chủ tịch, 02 (hai) Phó Chủ tịch và các uỷ viên. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền xin từ nhiệm vì lý do cá nhân hoặc có thể bị Hội đồng quản lý Quỹ bãi nhiệm trong trường hợp vi phạm Điều lệ Quỹ hoặc vi phạm pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;
b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ; thông qua hợp đồng vay, mua, bán tài sản có giá trị từ 200 (hai trăm) triệu đồng Việt Nam trở lên;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; quyết định thành lập Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ, người phụ trách kế toán của Quỹ và các chức danh quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ;

d) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ, người phụ trách kế toán của Quỹ và các chức danh quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính của Quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức của Quỹ;

g) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật;

h) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;

i) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về Giấy phép thành lập và Điều lệ Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành: Quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; quy định công tác khen thưởng, kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ; quy định về thời gian làm việc, việc sử dụng lao động và sử dụng con dấu của Quỹ; quy định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ và Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ;

l) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý

Quỹ trở lên đề nghị. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ trở lên tham gia;

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp;

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết trong Hội đồng quản lý Quỹ bằng nhau thì quyết nghị theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi biên bản, thông qua biên bản và ban hành nghị quyết;

đ) Giấy mời họp và tài liệu có liên quan tới cuộc họp phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ ít nhất trước 07(bảy) ngày. Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không tham dự được phải báo cáo với Hội đồng quản lý Quỹ và gửi ý kiến cụ thể bằng văn bản cho Hội đồng quản lý Quỹ (qua Văn phòng Quỹ).

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam, là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu trong số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, với số phiếu tín nhiệm trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Quỹ có 02 (hai) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trong đó một Phó Chủ tịch làm nhiệm vụ thường trực, một Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Quỹ. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Hội đồng quản lý Quỹ về các lĩnh vực do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Hội đồng quản lý Quỹ phân công.

Điều 11. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ là công dân Việt Nam, được bầu với số phiếu tín nhiệm trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Ban Kiểm soát Quỹ có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ không quá 05 (năm) năm. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của Quỹ.

Điều 12. Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm trong số các Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ với số phiếu tín nhiệm trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Giám đốc Quỹ là người điều hành công việc hàng ngày của Quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ, người phụ trách kế toán của Quỹ và lãnh đạo các tổ chức trực thuộc;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Giúp việc cho Giám đốc Quỹ có 02 (hai) Phó Giám đốc Quỹ, trong đó một Phó Giám đốc Quỹ kiêm Chánh Văn phòng Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ là công dân Việt Nam, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Quy chế làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ xây dựng và được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

Điều 13. Phụ trách Kế toán của Quỹ

1. Người phụ trách kế toán của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế người phụ trách kế toán của Quỹ trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước. Người phụ trách kế toán của Quỹ là công dân Việt Nam, nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Người phụ trách kế toán của Quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê của Quỹ theo quy định Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; cụ thể như sau:

a) Tổ chức công tác kế toán, thống kê theo quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Thực hiện các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có liên quan đến Quỹ;

c) Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có liên quan đến Quỹ (phản ánh, theo dõi chi tiết về việc thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và tổ chức, cá nhân được nhận tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ);

d) Lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính và quyết toán năm cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập Quỹ và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập Quỹ.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng Quỹ của cơ quan có thẩm quyền. Cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ quan chức năng của Nhà nước khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc trường hợp người phụ trách kế toán của Quỹ chuyển công việc khác thì người phụ trách kế toán phải hoàn thành việc quyết toán trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Điều 14. Bộ phận chuyên môn

Bộ phận chuyên môn do Giám đốc điều hành Quỹ đề nghị trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản lý Quỹ quy định và do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, hoạt động dưới sự quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ, bao gồm: Văn phòng, các phòng nghiệp vụ, chuyên môn. Văn phòng Quỹ có nhiệm vụ sau:

a) Theo dõi, tổng hợp, đề xuất hoạt động của Quỹ; soạn thảo các công văn, báo cáo cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ và lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động Quỹ;

b) Theo dõi và đôn đốc các tổ chức trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ, gửi hồ sơ xét chọn tài trợ, trao giải thưởng lên Quỹ;

c) Nhận và phân loại hồ sơ xét chọn trao giải thưởng, hỗ trợ của các tập thể, cá nhân, các công trình nghiên cứu;

d) Chuẩn bị nội dung, ghi chép biên bản, chuẩn bị nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Chuẩn bị lễ trao giải thưởng, hỗ trợ theo định kỳ hàng năm;

e) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả hoạt động của Quỹ theo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm.

Điều 15. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

1. Quỹ được thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật.

2. Quỹ chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Quỹ. Hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt văn phòng đại diện, chi

nhánh. Giám đốc Quỹ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nhân sự cụ thể cho văn phòng đại diện, chi nhánh và các tổ chức trực thuộc Quỹ theo nguyên tắc kiêm nhiệm, gọn nhẹ, hiệu quả.

Chương IV **VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ,** **ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ**

Điều 16. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

Điều 17. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: Mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ

1. Các đối tượng nhận hỗ trợ, tài trợ từ Quỹ: Các chương trình, dự án xã hội về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng có khó khăn về mặt kinh phí. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá nâng cao ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc.

2. Điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ và thủ tục:

a) Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ từ

Quỹ; thủ tục nhận hỗ trợ, tài trợ theo quy định của Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Tiêu chí xét, cấp hỗ trợ, tài trợ căn cứ vào đối tượng nhận hỗ trợ, tài trợ từ Quỹ. Đặc biệt ưu tiên các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc đã bị xuống cấp trầm trọng, nhất là các di tích cách mạng, di tích lịch sử - văn hoá ở vùng sâu, vùng xa; các chương trình đưa di sản văn hoá vào trường học ở những nơi còn khó khăn thiếu kinh phí để hoạt động.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 19. Nguồn thu

1. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Thu từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ.

4. Các khoản thu từ việc khai thác nguồn vốn và các giá trị của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 20. Sử dụng Quỹ

1. Nguyên tắc chi: Tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

2. Chỉ cho các hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Điều lệ này.

3. Chi tài trợ, gồm: Tài trợ cho các chương trình, đề án nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá theo Điều lệ Quỹ. Tài trợ theo sự ủy nhiệm của tổ chức, cá nhân và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật, phù hợp với mục đích của Quỹ.

4. Chi thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng hoặc các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước giao.

5. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

6. Mua trái phiếu Chính phủ, gửi tiết kiệm đối với tiền nhàn rỗi của Quỹ (không bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp - nếu có).

7. Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 21. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ

1. Nội dung chi hoạt động quản lý Quỹ gồm:

- a) Tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ;
- b) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định;
- c) Thuê trụ sở làm việc;
- d) Mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ;
- d) Thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ;
- e) Các khoản công tác phí phát sinh khi đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận;
- g) Các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận;
- h) Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, tối đa không quá 5% (năm phần trăm) trên tổng số thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng);

b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho hoạt động quản lý Quỹ vượt quá 5% (năm phần trăm) trên tổng số thu hàng năm của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính;

c) Trường hợp chi phí quản lý của Quỹ đến cuối năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định.

Điều 22. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình tài sản, tài chính của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính Quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính của Quỹ hàng quý, hàng năm theo các nội dung:

a) Danh sách, sổ tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho Quỹ;

b) Danh sách, sổ tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ Quỹ;

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của Quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Quỹ và kết luận của kiểm toán (nếu có) hàng năm theo quy định hiện hành.

7. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm quản lý tài sản, tài chính của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 23. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, tạm đình chỉ và giải thể

1. Trường hợp Quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được tiến hành kiểm kê đầy đủ, kịp thời trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; tuyệt đối không được phân chia tài sản của Quỹ.

2. Trường hợp Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị tạm đình chỉ hoạt động, Quỹ chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp quỹ bị giải thể, không được phân chia tài sản của Quỹ. Việc bán, thanh lý tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Quỹ được sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ, theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của người lao động hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

5. Sau khi thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể, số tiền và tài sản còn lại của Quỹ được nộp vào ngân sách Trung ương, nghiêm cấm phân tán tài sản của Quỹ.

Chương VI **HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN;** **TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ GIẢI THỂ**

Điều 24. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ thực hiện theo quy định tại Luật Dân sự, Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

3. Đổi tên:

a) Việc đổi tên Quỹ phải có nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có);

b) Thủ tục đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 25. Tạm đình chỉ hoạt động và giải thể Quỹ

1. Quỹ bị đình chỉ hoạt động từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 26. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể; đổi tên Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể; đổi tên Quỹ.

2. Việc xử lý tài sản, tài chính trong việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể Quỹ được thực hiện theo Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 27. Khen thưởng

1. Các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả và tích cực tham gia hoạt động của Quỹ sẽ được đề xuất để Hội đồng quản lý Quỹ xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, cá nhân làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo

Các tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm Điều lệ Quỹ, tham ô tài chính, tài sản của Quỹ với Ban Kiểm soát Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Trường hợp khiếu nại về quyết định tạm đình chỉ hoạt động, giải thể Quỹ, thu hồi Giấy phép thành lập, con dấu, trong thời gian chờ giải quyết Quỹ không được hoạt động.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và lập thành văn bản có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và được Bộ Nội vụ công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 31 (ba mươi một) Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đình

